

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 352/STNMT-CCBVM ngày 29/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 117/TTr-STNMT ngày 30/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ NHƠN HẠNH, THỊ XÃ AN NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, có diện tích khoảng 1.190 m².
- Quy mô: xây dựng 01 nhà làm việc 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 179 m², diện tích sàn khoảng 376 m² và tường rào cổng ngõ, sân bê tông, nhà để xe, san nền và các công trình phụ trợ.

1.3. Các hạng mục công trình: Trụ sở làm việc công an xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn bao gồm các hạng mục công trình xây dựng chính sau:

- Nhà làm việc 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 179 m², diện tích sàn khoảng 376 m².
- Nhà để xe: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 49 m².
- Sân bê tông: diện tích khoảng 845,68 m².
- Tường rào, cổng ngõ: chiều dài khoảng 159 m.
- San nền: diện tích khoảng 1.190 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 1.190 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng tại dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động

đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển và nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,54 m³/ngày. Nước thải chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh cao,...

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 0,62 m³/ngày. Nước thải chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N,P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 12 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 5,6 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường: Trong quá trình thi công, xây dựng phát sinh lượng chất thải rắn thông thường, cụ thể:

- Hoạt động phát quang phát quang: khoảng 1 m^3 .
- Hoạt động đào hố móng phát sinh khối lượng đất đào khoảng 148 m^3 .
- Hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh với khối lượng khoảng $0,8 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 10 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là các loại vật dụng nhiễm dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, que hàn thải...

b) Giai đoạn hoạt động: Hoạt động của trụ sở phát sinh một số loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát: bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải; các thiết bị linh kiện điện tử thải; bình xịt diệt côn trùng,... với khối lượng khoảng 3 kg/năm .

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...
- Sự cố, rủi ro: sự cố cháy nổ, hỏa hoạn; sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: bố trí 01 bể chứa có thể tích $1,5 \text{ m}^3$ để rửa dụng cụ, nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa từ mái nhà làm việc và nhà để xe được thu gom theo đường ống PVC D60 và nước mưa khu vực sân đường nội bộ Dự án chảy tràn trên bề mặt thoát ra phía trước đường theo độ dốc địa hình.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích khoảng $2,72$

m³ để xử lý nước thải phát sinh từ dự án (bố trí điểm chờ để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải chung trong tương lai)

+ Giai đoạn khi hạ tầng về thu gom và xử lý nước thải của xã được xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án sau khi được xử lý bằng bể tự hoại, sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung, dẫn về trạm xử lý nước thải chung theo Quy hoạch, để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Dùng tôn cao 2m để che chắn xung quanh công trình, cách li công trình với các khu vực xung quanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân; định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Đất đào hố móng tận dụng đắp lại hố móng và san nền dự án.

+ Các chất thải có thể tái sinh tái chế như bao bì giấy, plastic, sắt, thép, cốt pha bằng gỗ,... sẽ được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu có chức năng. Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại khu vực nhà làm việc, sân đường nội bộ.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: Bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao CTNH, CTPKS cho đơn vị chức năng theo quy định khi có phát sinh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị vận chuyển.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa.

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu thoát nước, ngập úng: thường xuyên kiểm tra tuyến mương đất phía Tây dự án vào mùa mưa tránh để đất đá, cành cây,... lấp tuyến mương làm tắc nghẽn quá trình thoát nước.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Thực hiện phân luồng giao thông, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông, giáo viên, học sinh và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực phía Nam Dự án gần khu dân cư hiện trạng, tọa độ (X: 1.541.212; Y: 597.475).

- Chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.